

Bản án số: 112/2019/HS-PT

Ngày: 03-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Các thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Kim Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 26/2019/TLPT- HS ngày 07 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Minh L.

Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh L đối với bản án hình sự sơ thẩm số 56/2018/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân huyện T.

- Bị cáo: Nguyễn Minh L (Lộc), sinh năm 199X; Nơi cư trú: Ấp X, xã Tân K, huyện T, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 197X và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 196X; Tiền án, tiền sự: Không; Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại (có mặt).

- Người bị hại: Dương Văn H, sinh năm 198X (đã chết);

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại là Dương Trần Ngọc T, sinh ngày 19/10/200X (con ruột bị hại, vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp cho T là: Trần Thị Bé N1, sinh năm 198X (mẹ ruột T, có mặt);

Cùng cư trú: Ấp X, xã Tân K, huyện T, tỉnh Đ.

- Nguyên đơn dân sự: Dương Văn T1, sinh năm 197X (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Mỹ T, xã M, huyện T, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Cao Duy T2, sinh năm 199X (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp Mỹ T, xã M, huyện T, tỉnh Đ.

2. Nguyễn Hoàng D, sinh năm 199X (vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp X, xã Tân K, huyện T, tỉnh Đ.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thị Mộng D1, sinh năm 198X (vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp X, xã Tân K, huyện T, tỉnh Đ.

2. Bùi Nguyên H1, sinh năm 194X (vắng mặt);

3. Nguyễn Văn M1, sinh năm 197X (vắng mặt);
Cùng cư trú: Khóm X, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đ.

4. Dương Văn N2, sinh năm 196X (có mặt);

5. Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 198X (có mặt);
Cùng cư trú: Khóm X, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đ.

6. Lê Văn C, sinh năm 196X (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp X, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ.

7. Đoàn Văn X, sinh năm 198X (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp X, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 07/02/2016, anh Cao Duy T2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66K8-88XX chở phía sau anh Dương Văn H đi trên đường Gò Tháp thuộc tỉnh lộ ĐT 845 từ xã M, huyện T đi xã Mỹ A, huyện T. Cùng lúc đó, Nguyễn Minh L đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66M1-221.XX (xe này L mượn của anh Nguyễn Hoàng D), chở phía sau chị Nguyễn Thị Mộng D1, chạy hướng từ trên cầu Ngân hàng xuống đường Lê Quý Đôn để chuyển hướng rẽ trái về đường Gò Tháp. Khi đến đoạn đường giao nhau giữa đường Lê Quý Đôn với đường Gò Tháp thuộc khóm X, thị trấn M, huyện T, thì xe mô tô biển kiểm soát 66K8-88XX của anh T2 va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 66M1-221.XX của bị cáo. Hậu quả làm anh H bị ngã văng ra khỏi xe của anh T2 02m, bị chấn thương vùng đầu được mọi người đưa đi cấp cứu. Đến sáng ngày 08/02/2016, anh H tử vong do chấn thương sọ não.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 24/02/2016 thể hiện: Đoạn đường xảy ra tai nạn là đoạn đường giao nhau giữa đường Gò Tháp có chiều ngang 07m và đường Lê Quý Đôn có chiều ngang 08m, mặt đường bằng phẳng, không bị che khuất tầm nhìn, mặt đường cấu tạo bằng đá nhựa. Lấy lề trái hướng từ xã M đi xã Mỹ A, huyện T làm lề chuẩn, tâm vùng va chạm cách lề 5,35m.

Tại Biên bản dựng lại hiện trường ngày 01/9/2018 thể hiện: Hiện trạng đường Gò Tháp hai bên mép đường mỗi bên được mở rộng 3,5m, mặt đường hiện tại là 14m; mặt đường Lê Quý Đôn hai bên mép đường được mở rộng mỗi bên là 02m, tổng cộng mặt đường hiện tại là 12m. Lấy trụ điện số 58 làm mốc chuẩn và xác định mép đường (cũ) bên trái hướng từ xã M đi xã Mỹ A, huyện T làm lề chuẩn, tâm vùng va chạm cách lề 5,35m.

Biên bản khám xe mô tô biển kiểm soát 66M1-221.XX ngày 08/02/2016 thể hiện: Mặt nạ trước bên trái bị bể có kích thước 02cmx01cm; lớp bánh trước bên trái bị trầy xước có kích thước 10cmx02cm; niền trước bên trái bị trầy xước có kích thước 04cmx01cm; phuộc trước bị cong về phía sau.

Biên bản khám xe mô tô biển kiểm soát 66K8-88XX ngày 08/02/2016 thể hiện: Đầu chụp bugi bị bể, bugi bị cong về phía sau; ốp má lốc máy bên phải bị bể có kích thước 9,5cmx04cm; phanh sau bị cong về sau; gác chân giữa bên phải bị cong về phía sau; cản đỡ sau (baga) bên trái bị trầy xước phần nhựa có kích thước 26cmx2,5cm.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 31/TTh-TTPY ngày 18/02/2016 của Trung tâm Pháp Y tỉnh Đồng Tháp kết luận đối với Dương Văn H: Tử thi chết ngất đến do chấn thương sọ não nặng, nứt sọ, máu tụ nội sọ. Thời gian tử vong dưới 24 giờ.

Về trách nhiệm dân sự: Anh H kết hôn với chị Trần Thị Bé N1 sinh được một người con tên Dương Trần Ngọc T1, sinh ngày 19/10/20XX. Đến ngày 16/02/2012, anh H và chị N1 ly hôn, T do anh H nuôi dưỡng. Sau khi anh H chết chị N1 đã nuôi T. Nay yêu cầu bị cáo L bồi thường tiền cấp dưỡng đến khi T đủ 18 tuổi là 104.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần cho T là 60.000.000 đồng; tổng cộng là 164.000.000 đồng. Bị cáo L không chấp nhận bồi thường. Anh T2 tự nguyện hỗ trợ tiền tổn thất tinh thần cho T là 20.000.000 đồng (chị N1 đã nhận số tiền này xong).

Anh Dương Văn T1 yêu cầu bị cáo L bồi thường số tiền 40.000.000 đồng, trong tổng số 44.125.000 đồng (gồm: Tiền viện phí 5.800.000 đồng, tiền tàu xe 9.000.000 đồng, tiền tân liệm 8.000.000 đồng, tiền vật liệu và tiền công thợ xây mộ 21.325.000 đồng).

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tạm giữ:

- Anh Cao Duy T2: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 66K8-88XX, màu xanh, nhãn hiệu Honda, số máy 0344807.
- Nguyễn Minh L: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 66M1-221.XX, màu xanh- đen, nhãn hiệu Yamaha, số máy 113462.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2018/HS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh L (Lộc) đã phạm tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357, Điều 590, Điều 591 và Điều 593 của Bộ luật dân sự.

- Chấp nhận sự tự nguyện của anh Cao Duy T2 hỗ trợ tiền tổn thất về tinh thần cho Dương Trần Ngọc T số tiền là 20.000.000 đồng (anh T2 đã giao tiền cho chị N1 là đại diện của T nhận đủ tiền).

- Buộc bị cáo Nguyễn Minh L bồi thường thiệt hại tiền chi phí cứu chữa, mai táng, thiệt hại khác, cho anh Dương Văn T1 số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Minh L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Dương Trần Ngọc T, sinh ngày 19/10/20XX, mỗi tháng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định vào từng thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2016 cho đến khi Dương Trần Ngọc T đủ 18 tuổi tự lao động được.

- Buộc bị cáo Nguyễn Minh L bồi thường tiền tổn thất về tinh thần cho Dương Trần Ngọc T, sinh ngày 19/10/20XX số tiền là 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành án xong số tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi bằng 50%/mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07 tháng 12 năm 2018, bị cáo Nguyễn Minh L có đơn kháng cáo với nội dung kêu oan.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu quan điểm:

Quá trình điều tra, bị cáo L cho rằng không gây tai nạn cho anh H và cho rằng xe của anh T2 đụng vào xe của một người phụ nữ trên đường rồi mới đụng vào xe của bị cáo, nhưng qua lời khai của những người làm chứng như Đoàn Văn X, Nguyễn Văn M1 chỉ thấy 02 xe va chạm. Còn những người làm chứng khác lúc thì nói 02 xe va chạm, lúc thì cho rằng có xe thứ 3, nhưng không xác định được đặc điểm, vị trí và có lời khai không ổn định, không thể làm chứng cứ để giải quyết vụ án. Hơn nữa, các dấu vết để lại hiện trường theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 24/02/2016 và Biên bản dựng lại hiện trường ngày 01/9/2018, Biên bản khám nghiệm phương tiện ngày 08/02/2016 các dấu vết hư hỏng của 02 xe là phù hợp và các chứng cứ khác thì không có xe thứ ba va chạm vào mô tô của anh T2. Như vậy, bị cáo điều khiển xe mô tô đi không đúng phần đường, lấn sang lề phải hướng đi của xe anh T2 nên xe của bị cáo va chạm với xe của anh T2 chệch phía sau anh Dương Văn H, hậu quả làm anh H tử vong do chấn thương sọ não nặng. Sau khi gây ra tai nạn, bị cáo cố tình không trình báo cơ quan có thẩm quyền, tự ý di dời vị trí xe làm thay đổi hiện trường vụ án. Do đó, bị cáo phải có trách nhiệm về hành vi của mình. Mặt khác, trong quá trình điều tra bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 17/11/2017 bị cáo thừa nhận rẽ trái không đúng phần đường hậu quả dẫn

đến va chạm xe của anh Cao Duy T2 điều khiển, phía sau chở anh Dương Văn H tai nạn xảy ra làm cho anh H tử vong, nên bị cáo cũng có lỗi.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Minh L đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó cấp sơ thẩm đã áp dụng về tội danh và điều luật như trên để xử lý đối với bị cáo L là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét mức hình phạt 09 tháng tù mà cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo Nguyễn Minh L là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Nay bị cáo kháng cáo kêu oan là không có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để quyết định: Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Minh L. Giữ nguyên mức hình phạt tù như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm không thống nhất với án sơ thẩm cũng như quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát ở phần nhận định cho rằng bị cáo lấy xe rời khỏi hiện trường nên bị cáo có lỗi là chưa chính xác. Bị cáo khai trước khi xe anh T2 đụng vào xe bị cáo thì xe anh T2 đã đụng vào một xe khác, nghĩa là có xe thứ ba xuất hiện tại hiện trường. Điều này cơ quan điều tra phải chứng minh. Việc anh T2 có uống rượu, bia khi tham gia giao thông nhưng không xác định nồng độ cồn để xác định lỗi là thiếu sót. Hồ sơ thể hiện 03 biên bản hiện trường nhưng 03 biên bản hiện trường này khác nhau về vị trí tâm va chạm, cho thấy các biên bản hiện trường này chưa đảm bảo về pháp luật. Từ đó cho thấy việc anh T2 có uống rượu, bia, điều khiển xe đi với tốc độ cao, va chạm vào một xe khác rồi va chạm tiếp vào xe bị cáo là có căn cứ. Án sơ thẩm chưa xem xét thấu đáo những vấn đề vừa nêu, xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Trong phần tranh luận, bị cáo L không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét minh oan cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Minh L không thừa nhận hành vi phạm tội mà cho rằng vào ngày xảy ra sự việc, bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66M1-221.XX từ cầu Ngân hàng xuống đường Lê Quý Đôn để rẽ trái vào đường Gò Tháp thì xe bị cáo chạy phía sau xe của một người phụ nữ. Khi đến nơi giao nhau giữa đường Lê Quý Đôn với đường Gò Tháp, xe của người phụ nữ dừng lại, xe bị cáo cũng dừng lại đậu ngang xe người phụ nữ cách phía sau khoảng hơn 01 mét. Sau đó, bị cáo lại thay đổi lời khai là xe bị cáo chạy chậm chứ không dừng lại. Anh Cao Duy T2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66K8-

88XX chở phía sau anh Dương Văn H đụng vào bên trái bánh xe trước người phụ nữ rồi mới đụng vào xe bị cáo. Do đó, bị cáo không có lỗi. Khi đụng thì xe bị cáo vẫn còn nằm bên lề phải theo hướng đi của bị cáo, còn cách lề phải bao nhiêu thì bị cáo không biết. Sau khi va chạm thì có người đến nói “Do say rượu không sao đâu” và đưa anh T2, anh H đi cấp cứu nên bị cáo dựng xe lên và điều khiển rời khỏi hiện trường để về nhà. Khi Công an khám nghiệm hiện trường và dựng lại hiện trường vụ tai nạn thì vị trí xe bị cáo không đúng, xe bị cáo còn nằm bên lề phải theo hướng đi của bị cáo mà Công an đem xe bị cáo qua lề trái và Cơ quan điều tra cũng không giám định nồng độ cồn của anh T2. Việc anh H bị tai nạn chết không phải do bị cáo gây ra.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo thừa nhận trước khi Cơ quan có thẩm quyền đến bảo vệ hiện trường, khám nghiệm hiện trường, thì bị cáo đã lấy xe Sirius biển kiểm soát 66M1-221.XX rời khỏi hiện trường, nên việc bị cáo cho rằng Cơ quan điều tra khi lập Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 24/02/2016 và Biên bản dựng lại hiện trường ngày 01/9/2018 đặt vị trí xe của bị cáo điều khiển không đúng là không có căn cứ. Đồng thời, bị cáo nại ra trước khi xe của anh T điều khiển đụng vào xe của bị cáo, xe anh T2 đã đụng vào bên trái bánh trước xe của một người phụ nữ, tiếp đến xe anh T2 mới đụng xe bị cáo, việc này có người làm chứng Nguyễn Thị Bích V, Dương Văn N2 biết. Tuy nhiên, những người làm chứng Nguyễn Thị Bích V, Dương Văn N2 xác định có chiếc xe thứ 3 xuất hiện tại hiện trường, nhưng không xác định được đặc điểm, vị trí, giới tính của người điều khiển xe và có lời khai không ổn định, lúc thì cho rằng xe thứ ba bị ngã, lúc thì cho rằng không ngã nên lời khai của những người này không thể làm chứng cứ để giải quyết vụ án. Mặt khác, các dấu vết để lại hiện trường theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 24/02/2016 và Biên bản dựng lại hiện trường ngày 01/9/2018 và các tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, thì không có xe thứ ba va chạm vào xe mô tô của anh T2. Do đó, lời khai nại của bị cáo L là không có căn cứ.

Theo quy định, khi người tham gia giao thông tại đường giao nhau giữa đường không ưu tiên và đường ưu tiên hoặc giữa đường nhánh và đường chính thì xe đi từ đường không ưu tiên hoặc đường nhánh phải nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới. Theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 24/02/2016 và Biên bản dựng lại hiện trường ngày 01/9/2018, lấy lề trái hướng từ xã Mỹ Hòa đi xã Mỹ An, huyện Tháp Mười làm lề chuẩn, tâm vùng va chạm cách lề 5,35m. Như vậy, bị cáo đã thực hiện hành vi vi phạm Luật Giao thông đường bộ là điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66M1- 221.XX đi không đúng phần đường, lấn sang lề phải hướng đi xe của anh T2 là 1,85 mét, dẫn đến xe của bị cáo và xe của anh T2 phía sau chở anh Dương Văn Hiếu va chạm nhau; hậu quả làm anh H tử vong do chấn thương sọ não nặng, nứt sọ, máu tụ nội sọ, hai xe bị hư hỏng. Việc anh T2 có sử dụng rượu, bia khi tham gia giao thông là vi phạm hành chính. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Minh L đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về*

điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo L về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan ức gì cho bị cáo. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo. Bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng với những chứng cứ và luận cứ nêu trên cùng lời khai của người có quyền L và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã chứng minh hành vi của bị cáo là có tội nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo L là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét lời bào chữa của vị luật sư cho bị cáo là chưa phù hợp như Hội đồng xét xử đã nhận định, phân tích ở phần trên nên không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo L không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Minh L. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh L phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357, Điều 590, Điều 591 và Điều 593 của Bộ luật dân sự.

- Chấp nhận sự tự nguyện của anh Cao Duy T2 hỗ trợ tiền tổn thất về tinh thần cho Dương Trần Ngọc T số tiền là 20.000.000 đồng (anh T2 đã giao tiền cho chị N1 là đại diện của T nhận đủ tiền).

- Buộc bị cáo Nguyễn Minh L bồi thường thiệt hại tiền chi phí cứu chữa, mai táng, thiệt hại khác cho anh Dương Văn T1 số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Minh L bồi thường tiền tổn thất về tinh thần cho Dương Trần Ngọc T số tiền là 20.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Minh L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Dương Trần Ngọc T, sinh ngày 19/10/20XX, mỗi tháng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định vào từng thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2016 cho đến khi Dương Trần Ngọc T đủ 18 tuổi tự lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành án xong số tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi bằng 50%/mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho:

- Anh Nguyễn Hoàng D: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 66M1- 221.XX màu xanh đen hiệu Yamaha.

- Anh Dương Văn T1: 01 (một) mô tô biển kiểm soát 66K8- 88XX màu xanh, hiệu Honda.

(Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/7/2017).

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GD-KT1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Cơ quan CSĐT CA huyện T;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (M).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Khắc Thịnh